

QUYẾT ĐỊNH

Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức
và mối quan hệ công tác của Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo

VIỆN TRƯỞNG VIỆN ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA

Căn cứ Quyết định số 950/QĐ-BKHCN ngày 06 tháng 02 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Viện và Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Ban) là đơn vị tham mưu trực thuộc Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia, giữ vai trò tham mưu chiến lược, xác lập quan điểm, định hướng phát triển, kiến tạo và đề xuất khung pháp lý, mô hình vận hành tiên tiến cho hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Ban giúp Viện trưởng điều phối nguồn lực; tổ chức hoạt động đối nội, đối ngoại; đề xuất mô hình, giải pháp quản trị, điều hành đảm bảo vừa tháo gỡ các rào cản hành chính vừa tuân thủ quy định pháp luật; tổ chức đào tạo, nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho hệ sinh thái; thúc đẩy hoạt động truyền thông và hợp tác quốc tế khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo nhằm tập trung và thu hút nguồn lực tối đa vào các nhiệm vụ trọng tâm, chiến lược.

2. Ban có tên giao dịch quốc tế bằng tiếng Anh là: Department of Innovation Strategy and Policy (Viết tắt là: ISP).

3. Ban có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Nghiên cứu chiến lược, chính sách và khung pháp lý về đổi mới sáng tạo:

a) Theo dõi, phân tích bối cảnh, xu hướng và kinh nghiệm trong nước và quốc tế về đổi mới sáng tạo; tham mưu đề xuất quan điểm, định hướng phát triển, chiến lược, chính sách, cơ chế hỗ trợ và khung pháp lý;



b) Đề xuất các mô hình vận hành và giải pháp phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Tổ chức hoạt động hợp tác, đối ngoại về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

a) Làm đầu mối kết nối, duy trì và phát triển mạng lưới chuyên gia, đối tác trong nước và quốc tế; điều phối các nguồn lực thông tin, dữ liệu, nhân sự và các nguồn lực liên quan phục vụ triển khai các chương trình, nhiệm vụ, dự án khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Viện;

b) Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các hội thảo, diễn đàn, sự kiện, hoạt động hợp tác quốc tế; tổ chức các đoàn ra, đoàn vào để trao đổi, tham vấn kinh nghiệm, thúc đẩy hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp và đối tác trong và ngoài nước.

3. Tổ chức đào tạo và phát triển năng lực đổi mới sáng tạo:

a) Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo cho các tổ chức, doanh nghiệp, địa phương; thiết kế chương trình, học liệu và hệ thống đào tạo phù hợp;

b) Xây dựng và khai thác mạng lưới chuyên gia trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, huấn luyện và tư vấn.

4. Truyền thông và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo:

a) Tổ chức thực hiện công tác truyền thông, xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu của Viện;

b) Triển khai các hoạt động truyền thông, sự kiện và chương trình kết nối nhằm lan tỏa chiến lược, chính sách và các chương trình trọng tâm về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

5. Giám sát tuân thủ và đánh giá hiệu quả thực hiện:

a) Thực hiện giám sát, kiểm tra việc tuân thủ các quy định, chính sách và quy trình trong quá trình triển khai các chương trình, dự án;

b) Tổ chức đánh giá hiệu quả thực hiện chính sách, chương trình và hoạt động của Viện; tham mưu đề xuất điều chỉnh cơ chế, quy trình nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng nguồn lực.

6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Ban:

- a) Ban có Giám đốc và các Phó Giám đốc;
- b) Giám đốc chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- c) Các Phó Giám đốc giúp Giám đốc chỉ đạo, điều hành các lĩnh vực công tác của Ban, chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2. Các nhóm chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nhóm Chiến lược - Hợp tác quốc tế (Strategy and International Cooperation Team).
- b) Nhóm Đào tạo - Truyền thông (Training and Communication Team).
- c) Nhóm Đánh giá tuân thủ và hiệu quả (Compliance and Performance Evaluation Team).

3. Chức năng, nhiệm vụ của các nhóm chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nhóm Chiến lược - Hợp tác quốc tế: Tham mưu xây dựng chiến lược phát triển trung và dài hạn; thiết lập, duy trì và phát triển quan hệ hợp tác với đối tác quốc tế, tổ chức đa phương và mạng lưới chuyên gia; huy động nguồn lực, điều phối các chương trình hợp tác và dự án quốc tế của Viện.

b) Nhóm Đào tạo - Truyền thông: Tổ chức công tác truyền thông, xây dựng hình ảnh và thương hiệu của Viện; thiết kế, triển khai các chương trình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ và đối tác; quản lý nội dung truyền thông đa kênh và các hoạt động sự kiện.

c) Nhóm Đánh giá tuân thủ và hiệu quả: Thực hiện giám sát, kiểm tra chéo việc tuân thủ quy định, chính sách và quy trình của các phòng ban, đơn vị; đánh giá hiệu quả thực thi chính sách, chương trình và hoạt động đầu tư theo mô hình IOOI; kiến nghị điều chỉnh cơ chế, quy trình nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và sử dụng nguồn lực.

Điều 4. Mối quan hệ công tác và Cơ chế phối hợp

1. Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo thực hiện chức năng tham mưu nòng cốt và điều phối chiến lược thông qua cơ chế tương tác nghiệp vụ đa tầng, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này. Hoạt động phối hợp được vận hành dựa trên nguyên tắc tuân thủ tuyệt đối phương thức quản trị tập trung và thống nhất của hệ sinh thái NACENTECH, đảm bảo tính đồng bộ, kịp thời và tối ưu hóa hiệu năng thực thi các nhiệm vụ trọng tâm giữa các đơn vị thành viên trên cơ sở xóa bỏ triệt để tính cục bộ, khép kín trong quản trị tài sản và nhân sự.

2. Mọi hoạt động tương tác, điều tiết nguồn lực chuyên gia và phối hợp chuyên môn phải tuân thủ quy trình quản trị rủi ro chính sách và hệ thống phân cấp thẩm quyền định danh đã được thiết lập. Các nhóm nghiệp vụ trực thuộc Ban có trách nhiệm chủ động vận hành cơ chế trao đổi dữ liệu chiến lược và chia sẻ học liệu dùng chung trên nền tảng số tập trung; đảm bảo tính minh bạch, sự nhất quán và thông suốt trong công tác điều hành tổng thể, lấy chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) và tác động thực tế (Impact) làm thước đo định lượng duy nhất cho hiệu quả phối hợp.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.
2. Quyết định này thay thế Quyết định số 92/QĐ-VUĐCN ngày 19 tháng 5 năm 2025 của Viện trưởng Viện Ứng dụng công nghệ về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Phát triển công nghệ.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Chánh Văn phòng Viện, Giám đốc Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.
2. Giám đốc Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo và các cá nhân liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định về mối quan hệ công tác tại Phụ lục kèm theo Quyết định này; trong quá trình vận hành, căn cứ vào dữ liệu thực chứng và yêu cầu quản trị thực tiễn, Giám đốc Ban có trách nhiệm kịp thời tham mưu, đề xuất Viện trưởng xem xét, quyết định việc điều chỉnh, bổ sung Quy định nhằm đảm bảo tính tương thích và hiệu quả hoạt động của đơn vị. /b

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- Vụ TCCB (để b/c);
- Viện trưởng và các PVT Viện ĐMSTQG;
- Các đơn vị trực thuộc Viện ĐMSTQG;
- Lưu: VT, VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Phạm Hồng Quát



Quy định mối quan hệ công tác của Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 27/QĐ-VDMSTQG ngày 10 tháng 03 năm 2026
của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia)

Điều 1. Vị trí và tư cách pháp nhân

1. Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Ban) là đơn vị tham mưu chiến lược và thực thi quản trị chuyên sâu trực thuộc Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH). Ban chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của NACENTECH về tổ chức bộ máy, nhân sự, định hướng chiến lược và vận hành theo hệ quy chiếu quản lý thống nhất, xuyên suốt trong toàn hệ sinh thái của NACENTECH.

2. Ban là đơn vị chuyên môn không có tư cách pháp nhân riêng, sử dụng con dấu và tài khoản của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, giao dịch theo phân cấp thẩm quyền và ủy quyền của Viện trưởng. Ban chịu trách nhiệm trước Viện trưởng và trước pháp luật về tính chuẩn xác, an toàn pháp lý của các luận cứ chính sách, hồ sơ tư vấn chiến lược và kiểm soát tính tuân thủ trong phạm vi chức năng được giao, đảm bảo sự nhất quán và không phân tách trong quản trị chiến lược toàn Viện.

3. Ban được tổ chức và vận hành theo mô hình "Đơn vị quản trị tri thức đa tầng", đóng vai trò hạt nhân trong việc giải mã các mô hình quản trị tiên tiến, tối ưu hóa chuỗi giá trị đổi mới sáng tạo và điều tiết hiệu năng nguồn lực trí tuệ trong hệ sinh thái NACENTECH. Đơn vị thực hiện phương thức quản trị định hướng kết quả (Outcome-based) và thực tiễn thị trường; lấy chỉ số tác động chiến lược (Impact), năng lực kiến tạo mạng lưới chuyên gia và tính minh bạch trong quản trị rủi ro chính sách làm thước đo năng lực cốt lõi cũng như tiêu chuẩn hàng đầu để thẩm định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm.

Điều 2. Nguyên tắc quản trị và vận hành hệ thống dựa trên nền tảng số

1. **Quản trị số hóa dựa trên nền tảng tích hợp (Platform-based Management):** Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo thực hiện cơ chế điều hành, quản trị chiến lược và điều phối nghiệp vụ tập trung thông qua hệ sinh thái kỹ thuật số thống nhất của NACENTECH. Mọi quy trình nghiệp vụ về hoạch định chính sách, quản trị tri thức, kiểm soát tuân thủ và điều tiết chuyên gia phải được thực thi, cập nhật theo thời gian thực (real-time) trên hệ thống. Phương thức này đảm bảo tính



đồng bộ pháp lý, minh bạch hóa dữ liệu chiến lược và tối ưu hóa hiệu năng quản trị toàn diện trong môi trường số.

2. Cơ chế tối ưu hóa nguồn lực dùng chung (Shared Resources): Ban vận hành theo mô hình quản trị nguồn lực không xác lập quyền sở hữu cố định; toàn bộ tài sản trí tuệ, mạng lưới chuyên gia và hạ tầng kỹ thuật đều đặt dưới quyền điều tiết thống nhất của NACENTECH. Nguồn lực được phân bổ linh hoạt, căn cứ trên bài toán kinh tế - kỹ thuật và nhu cầu thực tiễn của từng Nhóm dự án (Project Team) nhằm xóa bỏ triệt để tình trạng "cát cứ" tri thức, gia tăng hiệu suất khai thác tài sản chung và bảo toàn vốn hạ tầng của Viện.

3. Đánh giá hiệu suất dựa trên dữ liệu xác thực (KPI): Kết quả thực thi nhiệm vụ của viên chức, người lao động và các chuyên gia được xác lập, lưu trữ và thẩm định khách quan thông qua hệ thống dữ liệu thực chứng trên nền tảng số. Chỉ số hiệu suất (KPI) là căn cứ pháp lý duy nhất và quyết định trong việc điều tiết nguồn lực, định biên nhân sự động, cũng như thực hiện các quy trình thẩm định năng lực, khen thưởng, kỷ luật và bổ nhiệm cán bộ theo định hướng quản trị dựa trên kết quả đầu ra.

Điều 3. Quyền hạn trong việc khai thác và điều phối nguồn lực

1. Quyền quản trị hạ tầng kỹ thuật và chuyên gia hệ thống: Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo được xác lập quyền quản trị, khai thác và điều tiết hệ thống hạ tầng tri thức, nền tảng số, học liệu và mạng lưới chuyên gia thuộc hệ sinh thái quản trị tập trung của NACENTECH. Quy trình khai thác nguồn lực được thực thi thông qua hệ thống đăng ký, hạch toán hiệu năng và phê duyệt trực tuyến trên nền tảng quản trị số; bảo đảm tính thời gian thực, sự minh bạch và tối ưu hóa vòng quay sử dụng tài sản trí tuệ trong toàn hệ thống.

2. Quyền đề xuất điều động nhân sự và biệt phái chuyên gia: Trong quá trình thực thi các nhiệm vụ quy hoạch, thiết kế dự án đổi mới sáng tạo (ĐMST) quy mô lớn hoặc các cấu trúc đầu tư đặc thù (PPP, Spin-off), Ban có thẩm quyền chủ động đề xuất với Lãnh đạo NACENTECH về việc điều động, biệt phái hoặc luân chuyển nhân sự chuyên môn từ các đơn vị thành viên. Việc điều phối này nhằm mục tiêu tối thượng là tập hợp đội ngũ tinh nhuệ theo mô hình Nhóm dự án (Project Team), đáp ứng các yêu cầu nghiệp vụ chuyên biệt và bảo đảm hiệu năng hiện thực hóa các mục tiêu chiến lược của NACENTECH.

Điều 4. Cơ cấu tổ chức theo mô hình Nhóm Dự án (Project Team)

1. Lãnh đạo Ban: Giám đốc và các Phó Giám đốc.

2. Các đơn vị chuyên môn, nghiệp vụ:

- a) Nhóm Chiến lược - Hợp tác quốc tế.
- b) Nhóm Đào tạo - Truyền thông.
- c) Nhóm Đánh giá tuân thủ và hiệu quả.

3. **Các Nhóm công việc/Dự án (Project Teams):** Ban vận hành theo mô hình quản trị ma trận hiện đại, trong đó các đơn vị nghiệp vụ thực hiện chức năng quản trị nhân sự và quy chuẩn chuyên môn, các nhiệm vụ thực thi được tổ chức dưới hình thức Nhóm dự án linh hoạt theo quyết định của Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Khi triển khai nhiệm vụ, Ban chủ trì điều phối nhân sự chuyên trách phối hợp cùng mạng lưới chuyên gia để hình thành các Nhóm dự án nhằm tập trung nguồn lực trí tuệ thực hiện các mục tiêu chiến lược cụ thể. Các Nhóm dự án được quyền khai thác hạ tầng tri thức, học liệu và nền tảng số dùng chung thông qua hệ thống đăng ký và phê duyệt trực tuyến trên nền tảng quản trị số của NACENTECH. Mọi chi phí vận hành và chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) được hạch toán kinh tế độc lập, xác thực thời gian thực theo từng dự án; sau khi hoàn thành nhiệm vụ hoặc nghiệm thu giai đoạn, nhân sự được điều động sẽ hoàn trả nhiệm vụ và rút về đơn vị chuyên môn để sẵn sàng cho các chu kỳ điều phối kế tiếp.

4. **Nhân sự chuyên gia:** Bao gồm biên chế và chuyên gia thuê ngoài, được điều phối dựa trên năng lực và KPI ghi nhận trên hệ thống.

Điều 5. Quy định về chuyển tiếp, bàn giao, kế thừa và xử lý nguồn lực

1. **Kế thừa pháp lý về chức năng và nhiệm vụ tài chính:** Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo thực hiện tiếp nhận và kế thừa toàn diện các chức năng, nhiệm vụ về nghiên cứu chính sách, hoạch định chiến lược và quản trị mạng lưới ĐMST từ các đơn vị tiền thân nhằm đảm bảo tính liên tục và ổn định của hệ thống. Ban chịu trách nhiệm kế thừa các đề án, dự án chiến lược và nhiệm vụ khoa học và công nghệ đang triển khai; đồng thời chủ trì rà soát, xử lý các cam kết chuyên môn và nghĩa vụ tư vấn chuyển tiếp theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo sự tương thích với định hướng phát triển mới của NACENTECH.

2. **Cơ chế rà soát và kiện toàn nguồn nhân lực:** Ban thực hiện phương án bố trí nhân sự căn cứ trên kết quả thẩm định năng lực thực tế, tư duy đổi mới và mức độ tương thích với mô hình quản trị dự án hiện đại; tuyệt đối không thực hiện việc tiếp nhận nguyên trạng nhân sự từ các đơn vị cũ. Đối với các trường hợp không đáp ứng chỉ số hiệu suất (KPI) hoặc không phù hợp với yêu cầu về năng lực giải mã tri thức và tư duy chiến lược, Lãnh đạo Viện sẽ thực hiện điều động, sắp xếp lại vị trí công tác hoặc giải quyết chế độ theo quy định quản lý cán bộ và hệ quy chiếu nhân sự chất lượng cao của NACENTECH.

3. **Quản lý tài sản và hạ tầng kỹ thuật theo mô hình tập trung:** Toàn bộ hệ thống dữ liệu, học liệu, mạng lưới chuyên gia và hạ tầng kỹ thuật được bàn giao về đầu mối quản lý tập trung của Viện để đưa vào vận hành theo mô hình nguồn lực dùng chung. Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo thực hiện quyền quản trị chuyên môn, điều phối và khai thác các nguồn lực này căn cứ trên nhu cầu thực tiễn của các Nhóm dự án (Project Team) thông qua quy trình hạch toán hiệu năng trên nền tảng số; nhằm tối ưu hóa giá trị gia tăng của tài sản trí tuệ và bảo toàn, phát triển nguồn vốn đầu tư của Nhà nước.

Điều 6. Cơ chế quản trị hạ tầng và điều phối không gian làm việc

1. **Nguyên tắc quản lý hạ tầng tập trung:** Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo thực hiện cơ chế khai thác hạ tầng dựa trên quyền sử dụng thực tế, không xác lập quyền sở hữu định danh hoặc định biên cố định đối với cơ sở hạ tầng và không gian làm việc. Toàn bộ hệ thống hạ tầng tri thức, nền tảng số và không gian dự án được đặt dưới sự quản lý tập trung và hạch toán hiệu năng của Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) nhằm thực hiện mục tiêu chuẩn hóa, triệt tiêu tình trạng "cát cứ" nguồn lực và tối đa hóa hiệu suất khai thác tài sản công trong toàn hệ thống.

2. **Cơ chế điều tiết không gian theo quy mô nhiệm vụ:** Diện tích và vị trí làm việc được điều phối linh hoạt dựa trên dữ liệu thực chứng về quy mô dự án và chỉ số định biên nhân sự động triển khai tại từng thời điểm. Ban chủ trì rà soát, đề xuất điều tiết chỉ tiêu không gian làm việc theo từng giai đoạn nhiệm vụ chiến lược; đảm bảo sự tương xứng tuyệt đối giữa chi phí hạ tầng và khối lượng đầu ra (Outcome) thực tế của Ban ISP cũng như các đơn vị sự nghiệp trực thuộc NACENTECH.

3. **Trách nhiệm đảm bảo điều kiện vận hành và duy tu:** Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo đóng vai trò đầu mối tham mưu chuẩn hóa điều kiện vận hành hạ tầng tri thức, phối hợp xây dựng kế hoạch bảo trì, nâng cấp hệ thống nền tảng số và đảm bảo các tiêu chuẩn vận hành chuyên nghiệp cho môi trường làm việc ĐMST. Việc cung ứng, hiện đại hóa và hạch toán chi phí duy tu được thực hiện căn cứ trên nhu cầu đăng ký chính thức của các Nhóm dự án (Project Team) thông qua nền tảng quản trị số tập trung, đảm bảo bảo toàn và phát triển giá trị nguồn vốn hạ tầng của NACENTECH.

Điều 7. Hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) và quản trị mục tiêu

1. **Quy định về tính thống nhất và bắt buộc của hệ thống KPI:** Toàn thể đội ngũ lãnh đạo, quản lý và nhân sự chuyên môn thuộc Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo có trách nhiệm tuân thủ tuyệt đối quy trình vận hành và hệ thống chỉ số đánh giá hiệu suất (KPI) được thiết lập tập trung trên nền tảng quản trị số của

NACENTECH. Việc ghi nhận, cập nhật dữ liệu và thực chứng kết quả công tác trên hệ thống là nghĩa vụ hành chính bắt buộc, nhằm đảm bảo tính minh bạch, khách quan và xác lập cơ sở dữ liệu thực chứng xuyên suốt cho công tác hạch toán quản trị và phân tích hiệu năng trong toàn đơn vị.

2. **Giá trị pháp lý của kết quả đánh giá KPI:** Chỉ số hiệu suất (KPI) thu thập từ nền tảng số là căn cứ pháp lý và dữ liệu thực chứng duy nhất để thực hiện hạch toán thu nhập, xét duyệt các chế độ đãi ngộ, khen thưởng và phúc lợi dựa trên kết quả đầu ra (Outcome-based). Đồng thời, kết quả này là thước đo trọng yếu để thẩm định năng lực thực tiễn, làm cơ sở dữ liệu quyết định cho việc điều động, định biên nhân sự động hoặc đánh giá mức độ tương xứng về năng lực đối với vị trí công tác hiện tại; đảm bảo nguyên tắc tối thượng: nhân sự có năng lực phù hợp nhất luôn được ưu tiên bố trí vào các vị trí kiến tạo giá trị gia tăng cao nhất cho hệ sinh thái.

Điều 8. Quy định về điều động, bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân sự

1. **Cơ chế miễn nhiệm dựa trên chỉ số hiệu suất (KPI):** Viên chức quản lý và nhân sự chuyên môn tại các đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo có trách nhiệm bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu hiệu suất chiến lược và mục tiêu kiến tạo chính sách được giao. Trường hợp kết quả đánh giá KPI thực chứng trên nền tảng số không đạt ngưỡng yêu cầu trong hai kỳ đánh giá liên tiếp hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng các dự án quy hoạch trọng điểm, cá nhân giữ chức vụ quản lý thực hiện chế độ từ nhiệm hoặc bị cấp có thẩm quyền xem xét miễn nhiệm để kiện toàn nhân sự thay thế; đảm bảo tính liên tục, kỷ cương và hiệu năng tối ưu trong hoạt động quản trị nguồn lực trí tuệ của Ban.

2. **Thẩm quyền điều động nhân sự linh hoạt trong hệ sinh thái :** Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) thực hiện quyền điều động, biệt phái cán bộ, viên chức thuộc Ban tham gia các nhiệm vụ chiến lược, dự án liên ngành hoặc các cấu trúc ĐMST đặc thù (PPP, Spin-off) trong toàn hệ sinh thái tại bất kỳ thời điểm nào theo yêu cầu thực tiễn. Cơ chế này xác lập quyền năng tối cao trong việc điều phối mạng lưới chuyên gia và nhân sự chuyên trách chính sách, nhằm xóa bỏ triệt để tình trạng khu trú nguồn lực trí tuệ và đảm bảo sự ứng phó linh hoạt, kịp thời đối với các mục tiêu tăng trưởng và tác động kinh tế - xã hội của NACENTECH.

Điều 9. Cơ chế tự chủ tài chính

1. **Quyền tự chủ và trách nhiệm tài chính:** Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo vận hành theo cơ chế tự chủ và chịu trách nhiệm trực tiếp về quản trị hiệu năng nguồn vốn đối với đơn vị tham mưu theo quy định của pháp luật và Quy chế chi tiêu nội bộ của NACENTECH. Ban thực thi quản trị tài chính dựa trên nguyên tắc

minh bạch hóa dữ liệu số, tối ưu hóa hiệu suất sử dụng dòng vốn đa tầng (ngân sách, đầu tư dự án, dịch vụ tư vấn) và thực hiện nghĩa vụ bảo toàn, phát triển các nguồn lực trí tuệ, tài sản nhà nước được giao.

2. Cơ cấu nguồn thu chiến lược: Nguồn thu của Ban được xác lập từ ngân sách nhà nước, các nguồn thu sự nghiệp hợp pháp và năng lực khai thác thương mại hóa hệ thống hạ tầng tri thức, học liệu số và mạng lưới chuyên gia. Ban chủ trì thiết lập hệ thống định mức thu từ dịch vụ tư vấn chiến lược, đào tạo chuyên sâu và khai thác tài sản trí tuệ nhằm tái đầu tư, hiện đại hóa hệ điều hành số và nâng cấp hạ tầng tri thức dùng chung của NACENTECH.

3. Cơ chế hạch toán sử dụng nguồn lực dùng chung: Ban thực hiện hạch toán chi phí sử dụng hạ tầng tri thức, nền tảng số và mạng lưới chuyên gia dựa trên dữ liệu khai thác thực chứng từ nền tảng quản trị số. Toàn bộ chi phí vận hành được cấu thành vào ngân sách của từng Nhóm dự án (Project Team), thực hiện cơ chế khấu trừ và hoàn trả nội bộ thông qua hệ thống kế toán số hóa tập trung; đảm bảo tối ưu hóa chi phí đầu tư và phản ánh chính xác hiệu quả kinh tế cùng chỉ số tác động (Impact) của từng đơn vị trực thuộc.

Điều 10. Quản trị giao dịch và hạch toán trên nền tảng số

1. Quy định về tính minh bạch dữ liệu tài chính: Toàn bộ các giao dịch tài trợ, hệ thống hợp đồng tư vấn, hạch toán doanh thu - chi phí từ các hoạt động dịch vụ ĐMST và các định mức tài chính phát sinh trong quá trình triển khai dự án phải được cập nhật đầy đủ, theo thời gian thực (real-time) và chuẩn xác trên nền tảng quản trị số tập trung của NACENTECH. Việc số hóa toàn diện dữ liệu hạch toán là yêu cầu nghiệp vụ bắt buộc, nhằm thiết lập cơ sở dữ liệu thực chứng phục vụ công tác kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro chính sách và chuẩn hóa hệ thống báo cáo hiệu năng tổng hợp của Ban trong toàn hệ sinh thái.

2. Cơ chế giám sát hạch toán và điều phối nguồn lực tập trung: Dữ liệu tài chính và hiệu năng được xác thực trên nền tảng số là căn cứ pháp lý và kỹ thuật duy nhất để Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo thực hiện chức năng giám sát, điều tiết dòng vốn đầu tư trí tuệ và tham mưu phê duyệt các định mức đầu tư dự án cho toàn hệ sinh thái NACENTECH. Việc tuân thủ nghiêm ngặt quy trình hạch toán số hóa bảo đảm tính nhất quán trong quản trị kinh tế tri thức, tối ưu hóa hiệu suất khai thác tài sản dùng chung và là điều kiện tiên quyết để Viện thực thi quyền tự chủ tài chính toàn diện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Quy định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quy định này là văn bản định chế quản trị cơ bản, xác lập hệ quy chiếu về nguyên tắc tổ chức, vận hành chuyên môn và mối quan hệ công tác chiến lược của Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo. Toàn thể viên chức, người lao động và đội ngũ chuyên gia khi tham gia các hoạt động nghiệp vụ hoặc Nhóm dự án (Project Team) thuộc phạm vi điều phối của Ban có trách nhiệm tuân thủ tuyệt đối các định chế về quản trị tri thức, khai thác nguồn lực trí tuệ dùng chung, cơ chế điều tiết nhân sự động và hệ thống quản trị hiệu suất (KPI) trên nền tảng số theo quy chuẩn thống nhất của NACENTECH.

3. Chánh Văn phòng Viện, Giám đốc Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo, Giám đốc Ban Phát triển công nghệ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình vận hành, căn cứ trên dữ liệu thực chứng và báo cáo phân tích hiệu năng từ nền tảng quản trị số tập trung, Giám đốc Ban Chiến lược, chính sách đổi mới sáng tạo có trách nhiệm chủ trì tổng hợp, thẩm định và tham mưu báo cáo Viện trưởng Viện Đổi mới sáng tạo Quốc gia (NACENTECH) xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh các nội dung Quy định. Việc điều chỉnh này phải bảo đảm sự tương thích với thực tiễn quản trị tri thức, tối ưu hóa các giá trị gia tăng từ nguồn lực chuyên gia và phù hợp với định hướng chiến lược phát triển bền vững của hệ sinh thái NACENTECH./.